TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11 – CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 106/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 15 - 9 - 2025
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Ánh Trúc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Kim Ngọc.

2. Bà Trần Thị Bé Ngọc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Phước Lộc - Thư ký viên, Tòa án nhân dân khu vực 11 - Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 - Cần Thơ mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 137/2025/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2025 về tranh chấp ly hôn, nuôi con, chia tài sản khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ngọc H; sinh năm: 1995. (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp D, xã V, thành phố Cần Thơ (Ấp D, xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang cũ).

2. Bị đơn: Anh Trần Minh L; sinh năm: 1988. (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp D, xã V, thành phố Cần Thơ (Ấp D, xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang cũ).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc H trình bày:

- Chị Nguyễn Thị Ngọc H và anh Trần Minh L tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 60 ngày 12/11/2020. Thời gian đầu chúng tôi chung sống hạnh phúc nhưng về sau thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và vợ, chồng đã ly thân từ tháng 10 năm 2024 cho đến nay. Do hôn nhân không hạnh phúc, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị H yêu cầu ly hôn với anh L.

- Về con chung: Vợ, chồng có 01 (một) con chung tên Trần Minh T, sinh ngày 27/8/2021. Khi ly hôn chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu T và yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con với mức cấp dưỡng bằng ½ tháng lương tối thiểu vùng nơi bị đơn cư trú; cấp dưỡng hằng tháng; thời gian cấp dưỡng kể từ ngày bản án/quyết định của Tòa án có hiệu lực cho đến khi nghĩa vụ cấp dưỡng chấm dứt theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Vợ, chồng có tài sản chung là 03 cây vàng 24K loại 9999 là vàng cưới hai bên gia đình tặng cho (bên gia đình anh L cho 01 cây, bên gia đình tôi cho 02 cây). Tuy nhiên, quá trình chung sống vợ chồng đã tiêu xài hết 01 cây vàng nên chỉ còn lại 02 cây. Tôi đồng ý mỗi người được nhận ½ số vàng cưới còn lại là 10 chỉ vàng 24K loại 9999.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Chị H hiện đang kinh doanh dịch vụ chăm sóc sắc đẹp (mở tiệm riêng ở xã V cũ) với thu nhập trung bình khoảng 15.000.000 đồng/tháng. Con chung hiện đang học ở Trường Mầm non H1 (xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang cũ). Trước đây cháu học ở Trường M (xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang cũ) nhưng đến khoảng tháng 10/2025 thì chị H chuyển trường cho cháu về học ở xã V cũ cho đến nay. Từ khi chuyển trường cho cháu thì chị H là người đưa rước cháu đi học. Anh L cũng có rước cháu về chơi bên nhà cha mẹ ruột của anh L vào cuối tuần. Từ khi chị H chuyển trường cho cháu đến nay thì hằng tháng anh L có mua sữa cho con nhưng không có gửi tiền nuôi con.

Theo biên bản lấy lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Trần Minh L trình bày:

- Anh Trần Minh L và chị Nguyễn Thị Ngọc H tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật như lời trình bày của chị H. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng về sau có phát sinh mâu thuẫn dẫn đến hôn nhân không hạnh phúc, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị H yêu cầu ly hôn thì anh L thống nhất ly hôn.

- Về con chung: Vợ, chồng có 01 (một) con chung tên Trần Minh T, sinh ngày 27/8/2021. Khi ly hôn anh L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Trần Minh T và chưa yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Vợ, chồng có tài sản chung là 03 cây vàng 24K loại 9999 là vàng cưới hai bên gia đình tặng cho (bên gia đình anh L cho 01 cây, bên gia đình chị H cho 02 cây). Anh L đồng ý được chia tài sản và nhận 10 chỉ vàng 24K loại 9999.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Anh L hiện đang có nghề nghiệp là công chức ở Ủy ban nhân dân xã V với thu nhập trung bình khoảng 10.000.000 đồng/tháng. Con chung hiện đang học ở Trường Mầm non H1 (xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang cũ). Trước đây cháu học ở Trường M (xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang cũ) nhưng đến khoảng tháng 10/2025 thì chị H chuyển trường cho cháu về học ở xã V cũ cho đến nay (khi chị H chuyển trường cho cháu thì anh L không đồng ý). Từ khi chuyển trường cho cháu thì chị H là người đưa rước cháu đi học. Anh L cũng có rước cháu về chơi bên nhà cha mẹ ruột của anh L vào cuối tuần. Từ khi chị H chuyển trường cho cháu đến nay thì hằng tháng anh L có mua sữa cho con nhưng không có gửi tiền nuôi con.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu phản tố nhưng thống nhất được chia tài sản và nhận 10 chỉ vàng 24K loại 9999 và giữ nguyên ý kiến về quan hệ hôn nhân, con chung và nợ chung.

Nguyên đơn đã giao nộp chứng cứ: Bản tự khai của nguyên đơn; Căn cước công dân của nguyên đơn (bản sao); Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính); Giấy khai sinh của con chung (bản sao); Đơn xin xác nhận; Đơn khởi kiện bổ sung; Bản tự khai bổ sung.

Bị đơn đã giao nộp chứng cứ: Đơn phản tố; Bản tự khai; Căn cước công dân của bị đơn (bản photo).

Tòa án đã thu thập các tài liệu, chứng cứ: Biên bản xác minh ngày 04/9/2025.

Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh: Chị Nguyễn Thị Ngọc H và anh Trần Minh L đăng ký kết hôn ngày 12/11/2020 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang. Vợ, chồng chị Nguyễn Thị Ngọc H và anh Trần Minh L có 01 (một) con chung tên Trần Minh T, sinh ngày 27/8/2021.

Các tình tiết mà các bên đã thống nhất:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ngọc H và anh Trần Minh L tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn ngày 12/11/2020 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang. Chị Nguyễn Thị Ngọc H và anh Trần Minh L thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Vợ, chồng có 01 (một) con chung tên Trần Minh T, sinh ngày 27/8/2021.

- Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Ngọc H và anh Trần Minh L thống nhất tài sản chung của vợ chồng còn lại là 20 (hai mươi) chỉ vàng 24K loại 9999; số vàng này chị H đang giữ; khi ly hôn mỗi người được chia và nhận 10 (mười) chỉ vàng 24K loại 9999.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Các tình tiết mà các bên không thống nhất: Về người trực tiếp nuôi con và về cấp dưỡng cho con khi ly hôn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Cần Thơ tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

- Về việc chấp hành pháp luật: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử.

- Về nội dung vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Ngọc H và anh Trần Minh L.

+ Về con chung: Giao con chung là cháu Trần Minh T, sinh ngày 27/8/2021 cho chị Nguyễn Thị Ngọc H trực tiếp nuôi dưỡng.

+ Về cấp dưỡng cho con: Anh Trần Minh L có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung là cháu Trần Minh T với mức cấp dưỡng 1.725.000 đồng/tháng; cấp dưỡng hàng tháng; thời gian cấp dưỡng kể từ ngày tuyên án cho đến khi nghĩa vụ cấp dưỡng chấm dứt theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

+ Về tài sản chung: Công nhận sự thỏa thuận giữa chị Nguyễn Thị Ngọc H và anh Trần Minh L về việc chia tài sản chung là 20 (hai mươi) chỉ vàng 24K

loại 9999. Chị Nguyễn Thị Ngọc H được chia và sở hữu 10 (mười) chỉ vàng 24K loại 9999. Anh Trần Minh L được chia và sở hữu10 (mười) chỉ vàng 24K loại 9999.

+ Về án phí: Buộc đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với bị đơn. Bị đơn có yêu cầu phản tố yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung khi ly hôn với nguyên đơn. Do đó, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp ly hôn, nuôi con, chia tài sản khi ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn có nơi cư trú tại xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang cũ, nay là xã V, thành phố Cần Thơ. Căn cứ vào quan hệ pháp luật tranh chấp và quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 81/2025/UBTVQH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; Nghị quyết số: 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 11 - Cần Thơ.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ngọc H và anh Trần Minh L tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 60 ngày 12/11/2020. Xét thấy việc kết hôn của chị H và anh L tuân thủ theo các điều kiện quy định tại Điều 8 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên hôn nhân giữa chị H và anh L là hợp pháp. Sau thời gian chung sống, vợ, chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và đã ly thân từ tháng 10 năm 2024 cho đến nay. Bị đơn anh L thừa nhận trong quá trình chung sống giữa vợ, chồng phát sinh mâu thuẫn dẫn đến hôn nhân không hạnh phúc và thống nhất ly hôn với chị H. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải, động viên và tạo điều kiện để vợ, chồng đoàn tụ nhưng chị H và anh L vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly

hôn. Xét thấy hai bên thực sự tự nguyện ly hôn và việc thuận tình ly hôn của chị H và anh L phù hợp với quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị H và anh L.

[4] Về con chung: Vợ, chồng chị H và anh L có 01 (một) con chung là cháu Trần Minh T, sinh ngày 27/8/2021. Chị H và anh L đều yêu cầu được được tiếp nuôi dưỡng con chung trong trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn. Tuy nhiên, theo lời khai thống nhất của các đương sự và kết quả xác minh của Tòa án thì cháu T hiện đang sống cùng với mẹ. Bên cạnh đó, xét thấy cháu T còn nhỏ tuổi nên cần hạn chế sự tác động tiêu cực về tâm lý và thay đổi môi trường sống của cháu khi cha, mẹ của cháu ly hôn. Vì vậy, căn cứ vào quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, Hội đồng xét xử chấp nhận giao con chung là cháu T cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn, anh L có nghĩa vụ, quyền của người không trực tiếp nuôi con theo quy định tại Điều 82 của của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; chị H có nghĩa vụ, quyền của người trực tiếp nuôi con đối với anh L theo quy định tại Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về cấp dưỡng cho con: Người trực tiếp nuôi con là chị H yêu cầu người không trực tiếp nuôi con là anh L cấp dưỡng nuôi con với mức cấp dưỡng bằng ½ tháng lương tối thiểu vùng nơi bị đơn cư trú; cấp dưỡng hằng tháng; thời gian cấp dưỡng kể từ ngày bản án/quyết định của Tòa án có hiệu lực cho đến khi nghĩa vụ cấp dưỡng chấm dứt theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Do anh L không thống nhất cấp dưỡng cho con theo yêu cầu của chị H nên thuộc trường hợp các bên không thoả thuận được về mức cấp dưỡng. Theo quy định tại Điều 7 của Nghị quyết số: 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình thì: *"Trường hợp các bên không thoả thuận được thì Tòa án quyết định mức cấp dưỡng căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng. Mức cấp dưỡng do Tòa án quyết định nhưng không thấp hơn một nửa tháng lương tối thiểu vùng tại nơi người cấp dưỡng đang cư trú cho mỗi tháng đối với mỗi người con"*. Xét thấy, anh L đang cư trú tại Ấp D, xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang cũ, nay là Ấp D, xã V, thành phố Cần Thơ. Theo Nghị định số: 74/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động thuộc vùng IV có mức lương tối thiểu vùng là 3.450.000 đồng/tháng. Do đó, mức cấp dưỡng là: 3.450.000 đồng/tháng x ½ = 1.725.000 đồng/tháng. Xét thấy mức cấp dưỡng mà chị H yêu cầu là phù hợp với quy định

của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Về phương thức cấp dưỡng là cấp dưỡng hàng tháng. Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày tuyên án cho đến khi nghĩa vụ cấp dưỡng chấm dứt theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

[6] Về tài sản chung: Chị H và anh L thống nhất tài sản chung của vợ chồng còn lại là 20 (hai mươi) chỉ vàng 24K loại 9999; số vàng này chị H đang giữ. Tại phiên hòa giải, chị H và anh L thống nhất chia đôi tài sản chung là 20 chỉ vàng 24K, chị H được nhận 10 chỉ vàng 24K, chị H được nhận 10 chỉ vàng 24K. Căn cứ vào quy định tại Điều 59 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 về nguyên tắc giải quyết tài sản của vợ chồng khi ly hôn, xét thấy sự thoả thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử công nhận.

[7] Về nợ chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: Nguyên đơn và bị đơn thuận tình ly hôn trước khi mở phiên tòa sơ thẩm nên mỗi bên đương sự phải chịu 25% mức án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn; người có nghĩa vụ cấp dưỡng anh L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng; các bên đương sự thỏa thuận được với nhau về việc chia tài sản trong trường hợp Tòa án hòa giải trước khi mở phiên tòa nên phải chịu 50% mức án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với giá trị phần tài sản mà họ được chia theo quy định tại điểm a, b, đ khoản 5, khoản 6, điểm a khoản 7 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án và điểm a khoản 2 Điều 11 của Nghị quyết số: 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình.

[9] Về quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[10] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Cần Thơ tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 5, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 8, Điều 9, Điều 33, Điều 51, Điều 55, Điều 56, Điều 58, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117, Điều 118 và Điều 119 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án; Nghị quyết số: 81/2025/UBTVQH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Ngọc H và anh Trần Minh L.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Trần Minh T, sinh ngày 27/8/2021 cho chị Nguyễn Thị Ngọc H trực tiếp nuôi dưỡng.

Người không nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về cấp dưỡng cho con: Anh Trần Minh L có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung là cháu Trần Minh T, sinh ngày 27/8/2021 với mức cấp dưỡng 1.725.000 đồng (một triệu bảy trăm hai mươi lăm nghìn đồng)/tháng; cấp dưỡng hàng tháng; thời gian cấp dưỡng kể từ ngày tuyên án cho đến khi nghĩa vụ cấp dưỡng chấm dứt theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

4. Về tài sản chung: Công nhận sự thỏa thuận giữa chị Nguyễn Thị Ngọc H và anh Trần Minh L về việc chia tài sản chung là 20 (hai mươi) chỉ vàng 24K loại 9999 (99,99%), cụ thể như sau:

Chị Nguyễn Thị Ngọc H được chia và sở hữu 10 (mười) chỉ vàng 24K loại 9999 (99,99%). Số vàng này do chị Nguyễn Thị Ngọc H đang trực tiếp quản lý.

Anh Trần Minh L được chia và sở hữu10 (mười) chỉ vàng 24K loại 9999 (99,99%). Do chị Nguyễn Thị Ngọc H đang trực tiếp quản lý số vàng này nên buộc chị Nguyễn Thị Ngọc H có nghĩa vụ hoàn trả lại cho anh Trần Minh L 10 (mười) chỉ vàng 24K loại 9999 (99,99%).

5. Về án phí:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 3.075.000 đồng (ba triệu không trăm bảy mươi lăm nghìn đồng), bao gồm: Án phí ly hôn với số tiền là 75.000 đồng (bảy mươi lăm nghìn đồng) và án phí chia tài sản với số tiền là 3.000.000 đồng (ba triệu đồng). Chuyển số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) là tiền tạm ứng án phí chị Nguyễn Thị Ngọc H đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0009289 ngày 18 tháng 6 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang thành án phí. Chị Nguyễn Thị Ngọc H phải nộp thêm số tiền là 2.775.000 đồng (hai triệu bảy trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

Bị đơn anh Trần Minh L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 3.375.000 đồng (ba triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng), bao gồm: Án phí ly hôn với số tiền là 75.000 đồng (bảy mươi lăm nghìn đồng), án phí cấp dưỡng với số tiền là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) và án phí chia tài sản với số tiền là 3.000.000 đồng (ba triệu đồng). Chuyển số tiền 4.500.000 đồng (bốn triệu năm trăm nghìn đồng) là tiền tạm ứng án phí anh Trần Minh L đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0002223 ngày 15 tháng 8 năm 2025 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ thành án phí. Anh Trần Minh L được nhận lại số tiền là 1.125.000 đồng (một triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND khu vực 11 - Cần Thơ;
- Thi hành án dân sự TP. Cần Thơ (Phòng THADS khu vực 11 - Cần Thơ);
- UBND cấp xã nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

Võ Thị Ánh Trúc